

Số: 69 /QĐ-SGDHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Niêm yết và Công bố Thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 11/05/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2399/QĐ-BTC ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UBCK ngày 18/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm;

Căn cứ Công văn số 1100/UBCK – PTTT ngày 09/02/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành bộ Quy chế về chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ – HĐQT ngày 23/02/2018 của Hội đồng quản trị Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận ban hành Quy chế

Niêm yết và Công bố Thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý và Thẩm định niêm yết,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Niêm yết và Công bố Thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Phòng Quản lý và Thẩm định Niêm yết, Giám đốc các phòng, ban thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BKS;
- UBCKNN (để báo cáo);
- TTLKCK;
- Lưu VT, NY (18);

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Vũ Quang Trung

**QUY CHẾ NIÊM YẾT VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI CHỨNG
QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 03 năm 2018 của
Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc đăng ký niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là **chứng quyền**) niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của thị trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức phát hành chứng quyền;
2. Ngân hàng lưu ký;
3. Nhà đầu tư tham gia giao dịch chứng quyền;
4. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. **Đăng ký niêm yết** là việc tiến hành các thủ tục để đưa chứng quyền có đủ điều kiện niêm yết vào giao dịch tại SGDCK.
2. **Thay đổi đăng ký niêm yết** là việc tiến hành các thủ tục để thay đổi số lượng chứng quyền niêm yết tại SGDCK.
3. **Hủy niêm yết** là việc chấm dứt niêm yết và giao dịch toàn bộ chứng quyền niêm yết tại SGDCK.
4. **UBCKNN**: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
5. **SGDCK**: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
6. **VSD**: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
7. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP: Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

8. Thông tư số 107/2016/TT-BTC: Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm

9. Thông tư số 155/2015/TT-BTC: Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương II

NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN

Điều 4. Điều kiện niêm yết lần đầu

1. Là chứng quyền đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền với thông tin về chứng quyền đáp ứng các tiêu chí sau:

- a) Giá chào bán tối thiểu là 1.000 đồng;
- b) Tỷ lệ chuyển đổi phải là 1:1 hoặc là n:1 với n là bội số của 1

2. Có hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu

1. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền tại SGDCK bao gồm các tài liệu sau:

- a) Giấy đăng ký niêm yết chứng quyền (Mẫu NY – CW/SGDHCM-01)
- b) Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền do UBCKNN cấp;
- c) Bản cáo bạch đã được UBCKNN chấp thuận;
- d) Thông báo phát hành chứng quyền (Phụ lục số 03 Thông tư 107/2016/TT-BTC);
- e) Phương án phòng ngừa rủi ro với nội dung theo mẫu do UBCKNN ban hành;
- f) Danh sách kèm theo hồ sơ cá nhân của những người hành nghề kinh doanh chứng khoán tại bộ phận quản lý rủi ro;
- g) Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký (theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 107/2016/TT-BTC);
- h) Báo cáo kết quả phân phối chứng quyền (Phụ lục số 04 Thông tư 107/2016/TT-BTC);
- i) Danh sách nhà đầu tư được phân phối chứng quyền (theo mẫu của VSD)
- j) Xác nhận của ngân hàng nơi tổ chức phát hành mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phân phối (trường hợp có nhà đầu tư đăng ký mua);
- k) Báo cáo thuyết minh về cơ sở vật chất cho hoạt động tạo lập thị trường;
- l) Xác nhận của UBCKNN về kết quả phân phối chứng quyền (do UBCKNN gửi SGDCK);

- m) Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng quyền do VSD cấp (do VSD gửi SGDCK).
- n) Các tài liệu khác theo yêu cầu của SGDCK trong trường hợp cần làm rõ thông tin trong hồ sơ đăng ký.

2. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền phải là bản chính hoặc bản sao y hợp lệ. Tổ chức phát hành chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và trung thực của toàn bộ hồ sơ đăng ký niêm yết.

Điều 6. Quy trình đăng ký niêm yết lần đầu

1. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành phân phối theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 107/2016/TT-BTC, tổ chức phát hành phải nộp đầy đủ các hồ sơ từ khoản a) đến k) Điều 5 Quy chế này cho SGDCK. SGDCK sẽ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nếu cần thiết.

2. Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ VSD về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng quyền cho tổ chức phát hành và hồ sơ đăng ký niêm yết đã đầy đủ, hợp lệ. SGDCK ra Quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền, chứng quyền được chính thức giao dịch.

4. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành thực hiện thanh toán Giá dịch vụ đăng ký niêm yết lần đầu cho SGDCK.

Điều 7. Các trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền

Thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền bao gồm các trường hợp thay đổi tăng khi có đợt chào bán bổ sung đối với chứng quyền đã phát hành và thay đổi giảm khi hủy niêm yết một phần chứng quyền, cụ thể như sau:

1. Tổ chức phát hành thực hiện đợt chào bán bổ sung đối với chứng quyền đã phát hành

2. Sau thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày chào bán, số lượng chứng quyền đang lưu hành ít hơn 50% số lượng chứng quyền đã phát hành: tổ chức phát hành phải hủy niêm yết một phần chứng quyền chưa lưu hành tương đương 40% số lượng chứng quyền đã phát hành.

3. Tổng số lượng chứng khoán cơ sở được quy đổi từ các chứng quyền đã phát hành thuộc tất cả các tổ chức phát hành vượt quá 9% so với tổng số lượng chứng khoán cơ sở tự do chuyên nhượng: tổ chức phát hành phải hủy niêm yết một phần chứng quyền chưa lưu hành có thời gian còn lại ít hơn hai (02) tháng tính từ ngày phát sinh tỷ lệ vượt đến ngày đáo hạn theo nguyên tắc:

- Hủy niêm yết 80% số lượng chứng quyền đã phát hành trong trường hợp số lượng chứng quyền đang lưu hành ít hơn 5% số lượng đã phát hành;
- Hủy niêm yết 70% số chứng quyền đã phát hành trong trường hợp số lượng chứng quyền đang lưu hành từ 5% đến 10% số lượng đã phát hành;

4. Theo đề nghị của tổ chức phát hành sau ngày niêm yết tối thiểu là một (01) tháng trong trường hợp vẫn còn chứng quyền đang lưu hành và số chứng quyền còn lại

(sau khi trừ phần dự kiến hủy niêm yết) đạt tối thiểu 10% số chứng quyền đã phát hành

Điều 8. Hồ sơ và quy trình thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền

1. Trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 7

- a) Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết
 - i. Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết (mẫu NY-CW/SGDHCM-02);
 - ii. Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền đối với đợt chào bán bổ sung;
 - iii. Bản cáo bạch chào bán chứng quyền bổ sung đã được UBCKNN chấp thuận;
 - iv. Xác nhận của ngân hàng lưu ký về tài sản bảo đảm thanh toán cho số lượng chứng quyền chào bán bổ sung;
 - v. Báo cáo kết quả phân phối chứng quyền
 - vi. Danh sách nhà đầu tư được phân phối chứng quyền (theo mẫu của VSD)
 - vii. Xác nhận của ngân hàng nơi tổ chức phát hành mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phân phối (trường hợp có nhà đầu tư đăng ký mua)
 - viii. Xác nhận của UBCKNN về kết quả phân phối chứng quyền (do UBCKNN gửi SGDCK);
 - ix. Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký lưu ký chứng quyền do VSD cấp (do VSD gửi SGDCK)
 - x. Các tài liệu khác theo yêu cầu của SGDCK trong trường hợp cần làm rõ thông tin trong hồ sơ đăng ký

b) Quy trình thực hiện:

Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK ra Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền.

Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ra quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết chứng quyền, chứng quyền được chính thức giao dịch bổ sung trên hệ thống.

2. Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 7

a) Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết: gồm tài liệu tại điểm i. và x. quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này

b) Quy trình thực hiện:

i. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tình huống như quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này, tổ chức phát hành phải gửi Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết đến SGDCK để hủy niêm yết một phần chứng quyền. Quá thời hạn này tổ chức phát hành vẫn chưa gửi hồ sơ hoặc vẫn chưa khắc phục, SGDCK sẽ tự động thực hiện hủy niêm yết một phần chứng quyền và ra Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền

ii. Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK ra Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền.

3. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7

a) Khi phát sinh tình huống quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế này, SGDCK thực hiện:

Thông báo cho các tổ chức phát hành chứng quyền trên cùng một tài sản cơ sở về việc phải hủy niêm yết một phần chứng quyền đồng thời yêu cầu các tổ chức phát hành báo cáo về số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian đáo hạn dưới 2 tháng;

b) Trong vòng 2 ngày làm việc sau khi nhận được công văn yêu cầu từ SGDCK, các tổ chức phát hành gửi đến SGDCK:

– Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết với số lượng thay đổi niêm yết (hủy niêm yết một phần) phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 (mẫu NY-CW/SGDHCM-02)

– Báo cáo theo yêu cầu của SGDCK tại điểm a) Khoản này theo mẫu NY-CW/SGDHCM-03;

c) Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ quy định tại điểm b) Khoản này, SGDCK ra Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền do hủy niêm yết một phần

d) Trong vòng 5 ngày làm việc sau khi nhận được công văn yêu cầu từ SGDCK theo quy định tại điểm a) Khoản này mà tổ chức phát hành vẫn chưa gửi hồ sơ hoặc vẫn chưa khắc phục thì SGDCK sẽ tự động thực hiện hủy niêm yết một phần chứng quyền và ra Quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền.

4. Trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 7

a) Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết: tương tự như Điểm a) Khoản 2 Điều này

b) Quy trình thực hiện: tương tự như tiết ii. Điểm b) Khoản 2 Điều này

Điều 9. Điều chỉnh chứng quyền

a. Tổ chức phát hành thực hiện điều chỉnh chứng quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

b. Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới. Các trường hợp điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của SGDCK.

c. Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi khi điều chỉnh chứng quyền như sau:

- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

9 - C
GIAM
ỨNG
HÀNH
CH
- TP

- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

d. Tổ chức phát hành công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền theo mẫu NY-CW/SGDHCM-05 ban hành kèm theo quy chế này trong vòng 24 giờ kể từ khi có giá đóng cửa của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền.

Điều 10. Các trường hợp hủy niêm yết toàn bộ chứng quyền

1. Chứng quyền đã đáo hạn, kể cả trường hợp bị tạm ngừng giao dịch đến thời gian đáo hạn.
2. Tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
3. Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết;
4. Tổ chức phát hành hủy niêm yết tự nguyện toàn bộ chứng quyền chưa lưu hành sau ngày niêm yết tối thiểu là một (01) tháng trong trường hợp tổ chức phát hành đã sở hữu toàn bộ số chứng quyền đã phát hành;
5. Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường hoặc vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định tại Quy chế Hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK và SGDCK thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.
6. Trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và sau khi được UBCKNN chấp thuận;

Điều 11. Hồ sơ và quy trình hủy niêm yết toàn bộ chứng quyền

1. Trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 10

a) Tối thiểu mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày đáo hạn của chứng quyền, tổ chức phát hành phải gửi hồ sơ đến SGDCK để hủy niêm yết toàn bộ chứng quyền và thực hiện thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, bao gồm:

- Giấy đề nghị hủy niêm yết toàn bộ chứng quyền (mẫu NY-CW/SGDHCM-04);
- Thông báo về việc lập danh sách người sở hữu chứng quyền tại ngày đáo hạn.

b) Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK ra Quyết định hủy niêm yết đối với số lượng chứng quyền đến thời gian đáo hạn.

2. Trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 10

Trong vòng năm (05) ngày làm việc, sau khi có quyết định, có thông tin chính thức về việc tổ chức phát hành chứng quyền và/hoặc tổ chức phát hành chứng

khoán cơ sở rơi vào trường hợp quy định tại Khoản 2 và/hoặc Khoản 3 Điều 10, SGDCK ra Quyết định hủy niêm yết chứng quyền.

3. Trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 10

a) Hồ sơ hủy niêm yết

- Giấy đề nghị hủy niêm yết (mẫu NY-CW/SGDHCM-04);

b) Quy trình thực hiện

Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ quy định tại điểm a) Khoản 3 Điều này, SGDCK ra Quyết định hủy niêm yết chứng quyền.

4. Trường hợp quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 10

SGDCK xin ý kiến UBCKNN về việc hủy niêm yết chứng quyền và thực hiện thủ tục hủy niêm yết sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

Điều 12. Giá thanh toán chứng quyền và giá mua lại chứng quyền

1. Giá thanh toán vào ngày đáo hạn của chứng quyền

SGDCK thực hiện tính toán và công bố giá thanh toán vào ngày đáo hạn của chứng quyền. Đối với chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu và thực hiện theo kiểu Châu Âu, giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

2. Giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực trong trường hợp hủy niêm yết trước khi đáo hạn

Giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực trong trường hợp hủy niêm yết theo quy định tại điểm a, b, e Khoản 1 và Khoản 3 Điều 9 Thông tư 107/2016/TT-BTC được xác định theo Phụ lục 01 Quy chế UBCKNN hoặc các công thức định giá khác và phải được tổ chức phát hành quy định tại Bản cáo bạch. Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành phải công bố cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực, bao gồm các căn cứ xác định các thông số tính toán giá thanh toán.

Cách thức xác định giá thanh toán của tổ chức phát hành phải đảm bảo tính hợp lý và phù hợp theo thông tin đã trình bày tại Bản cáo bạch. SGDCK có thể yêu cầu tổ chức phát hành giải trình và điều chỉnh các thông số tính toán giá thanh toán nếu xét thấy các thông số đó được đưa ra chưa hợp lý.

3. Giá mua lại chứng quyền

Trong trường hợp hủy niêm yết theo quy định tại điểm a, b, e Khoản 1 và Khoản 3 Điều 9 Thông tư 107/2016/TT-BTC, giá mua lại chứng quyền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực là mức giá thị trường và phải tuân thủ theo các quy định về tạo lập thị trường của SGDCK.

Chương III
BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 13. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Các đối tượng công bố thông tin thực hiện công bố theo các quy định chung tại Điều 3, 4, 5 Thông tư số 155/2015/TT-BTC.
2. Trường hợp tạm hoãn công bố thông tin, Tổ chức phát hành thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 155/2015/TT-BTC.
3. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
 - a. Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
 - b. Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
4. Tổ chức phát hành có nghĩa vụ nộp báo cáo, công bố thông tin dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo quy định tại Khoản 3 Điều này cho SGDCK và UBCKNN. Báo cáo, công bố thông tin bằng dữ liệu điện tử phải sử dụng bảng mã Unicode. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin của tổ chức phát hành phải đăng ký địa chỉ hộp thư điện tử để gửi báo cáo, công bố thông tin cho SGDCK.
5. Trong trường hợp gửi báo cáo, công bố thông tin qua fax/mạng điện tử, tổ chức phát hành phải gửi báo cáo, công bố thông tin bằng văn bản chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo, công bố thông tin. Ngày báo cáo, công bố thông tin cho SGDCK được tính là ngày gửi fax, dữ liệu điện tử (qua email hoặc hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo, công bố thông tin) hoặc ngày SGDCK nhận được báo cáo, thông tin công bố bằng văn bản đầy đủ và hợp lệ.
6. Trường hợp SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin thông qua cổng trực tuyến, tổ chức phát hành tiến hành gửi báo cáo, công bố thông tin theo hướng dẫn của SGDCK.

Điều 14. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của tổ chức phát hành chứng quyền

Tổ chức phát hành thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 11 Điều 4, Khoản 1 Điều 7, Điều 18, Điều 19 Thông tư số 107/2016/TT-BTC. Ngoài ra, tổ chức phát hành thực hiện các báo cáo và công bố thông tin cho SGDCK theo quy định sau:

1. Tổ chức phát hành thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng về giao dịch tự doanh đối với chứng khoán cơ sở, vị thế mở và giá trị hiện tại của tất cả các chứng quyền theo mẫu tại Phụ lục 02 Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK.
2. Tổ chức phát hành thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 24h, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a. Nghị quyết/Quyết định/Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng quyền;
- b. Nghị quyết/Quyết định về những thay đổi của hoạt động quản trị rủi ro liên quan đến chứng quyền;
- c. Các sự kiện khác có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người sở hữu chứng quyền
- d. Khi không thể thực hiện hoạt động tạo lập thị trường vì những lý do bất khả kháng.

Điều 15. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của nhà đầu tư

Người nội bộ của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và người có liên quan của đối tượng này khi tham gia giao dịch chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 107/2016/TT-BTC và Điều 28 Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Người nội bộ của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và người có liên quan của đối tượng này thực hiện báo cáo và công bố thông tin cho SGDCK theo quy định sau:

1. Trước ngày thực hiện giao dịch chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và người có liên quan của đối tượng này thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo mẫu NY-CW/SGDHCM-06 ban hành kèm theo quy chế này và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn đăng ký giao dịch, người nội bộ của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và người có liên quan của đối tượng này thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo mẫu NY-CW/SGDHCM-07 ban hành kèm theo quy chế này.

3. SGDCK sẽ thực hiện điều chỉnh thời gian dự kiến giao dịch tại Thông báo giao dịch chứng quyền cho phù hợp với quy định hiện hành. Các đối tượng này có trách nhiệm theo dõi website của SGDCK và thực hiện giao dịch theo đúng thời gian quy định.

4. Trường hợp ngày giao dịch trùng với ngày kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện giao dịch, người nội bộ của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và người có liên quan của đối tượng này thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (kể cả trường hợp giao dịch không hết khối lượng đăng ký).

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch chứng quyền, công ty thực hiện báo cáo, SGDCK, Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi (ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán).

Điều 16. Nghĩa vụ báo cáo của ngân hàng lưu ký

Ngân hàng lưu ký thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

Chương IV
CÁC HÌNH THỨC NHẮC NHỞ TRÊN TOÀN THỊ TRƯỜNG, CẢNH BÁO
VÀ TẠM NGỪNG GIAO DỊCH

Điều 17. Nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường

1. Tổ chức phát hành bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường khi vi phạm quy định về công bố thông tin và báo cáo từ bốn (04) lần trở lên trong vòng một (01) năm. Trường hợp một Tổ chức phát hành có nhiều chứng quyền niêm yết thì số lần nhắc nhở được tính cho tất cả chứng quyền của cùng một Tổ chức phát hành.

2. SGDCK thực hiện công bố thông tin Quyết định nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Tổ chức phát hành phải thực hiện giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục tình trạng bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường và công bố thông tin theo yêu cầu của SGDCK.

Điều 18. Chứng quyền bị cảnh báo

1. Chứng quyền bị cảnh báo trong các trường hợp sau:

- a) Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động phòng ngừa rủi ro;
- b) Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động tạo lập thị trường;
- c) Tổ chức phát hành không duy trì được các điều kiện chào bán chứng quyền quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngoại trừ trường hợp tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. SGDCK lên ký hiệu cảnh báo và ra Quyết định cảnh báo đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 điều này.

3. Đưa ra khỏi diện cảnh báo:

SGDCK sẽ xem xét đưa chứng quyền ra khỏi diện cảnh báo và dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo trong trường hợp tổ chức phát hành chứng quyền khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến chứng quyền bị cảnh báo.

Điều 19. Chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch

1. Chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch trong các trường hợp sau:

- a) Các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 9 Thông tư 107/2016/TT-BTC;
- b) Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường hoặc vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định tại Điều 8.5 Quy chế Hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK và SGDCK thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

c) Khi có thông tin chính thức về sự cố kỹ thuật hệ thống thanh toán của VSD và SGDCK thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định về việc chứng khoán cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch, SGDCK ra Quyết định về việc tạm ngừng giao dịch chứng quyền.

3. Trường hợp quy định tại Điểm d) Khoản 6 Điều 9 Thông tư 107/2016/TT-BTC, Điểm b) và Điểm c) Khoản 1 Điều này, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có ý kiến chấp thuận của UBCKNN, SGDCK ra Quyết định về việc tạm ngừng giao dịch chứng quyền.

4. Đưa ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch

Sau khi các sự kiện dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch đã được khắc phục hoặc chấm dứt, SGDCK ra Quyết định về việc đưa chứng quyền ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. SGDCK có thẩm quyền đưa ra hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của SGDCK đối với các trường hợp vi phạm các quy định tại Quy chế này.

2. Việc quản lý đối với chứng quyền và hoạt động của tổ chức phát hành chứng quyền được quy định trong Quy chế này và một số Quy chế liên quan khác với các hình thức xử lý phù hợp. Trường hợp tổ chức phát hành vi phạm quy định trong từ hai Quy chế trở lên thì sẽ là tình tiết tăng nặng khi xem xét xử lý vi phạm. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, SGDCK sẽ quyết định hình thức xử lý vi phạm phù hợp.

3. Trường hợp tổ chức phát hành rơi vào các trường hợp đặc biệt tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư 107/2016/TT-BTC, tổ chức phát hành chịu trách nhiệm thực hiện việc xử lý cho người sở hữu chứng quyền theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Thông tư 107/2016/TT-BTC và các quy định pháp luật liên quan.

4. Trường hợp tổ chức phát hành vi phạm nghiêm trọng quy định vượt quá thẩm quyền xử lý của SGDCK, SGDCK sẽ báo cáo UBCKNN để xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

Điều 21. Các hình thức xử lý vi phạm

1. Nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường;
2. Đưa chứng quyền vào diện cảnh báo;
3. Đưa chứng quyền vào diện tạm ngừng giao dịch;
4. Hủy niêm yết chứng quyền.



Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. SGDCK thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này.
2. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ của các đối tượng nêu tại Điều 2 Quy chế này.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc SGDCK quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị SGDCK thông qua và có ý kiến chấp thuận của UBCKNN./.

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Vũ Quang Trung



Danh mục mẫu biểu, phụ lục

Mẫu, Phụ lục	Tên
NY-CW/SGDHCM-01	Giấy đăng ký niêm yết chứng quyền
NY-CW/SGDHCM-02	Giấy đăng ký thay đổi niêm yết chứng quyền
NY-CW/SGDHCM-03	Báo cáo số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian đáo hạn dưới 2 tháng
NY-CW/SGDHCM-04	Giấy đề nghị hủy niêm yết chứng quyền
NY-CW/SGDHCM-05	Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền
NY-CW/SGDHCM-06	Thông báo giao dịch chứng quyền của người nội bộ của công ty đại chúng và người có liên quan của người nội bộ
NY-CW/SGDHCM-07	Báo cáo kết quả giao dịch chứng quyền của người nội bộ của công ty đại chúng và người có liên quan của người nội bộ



Mẫu NY-CW/SGDHCM-01

(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 03 năm 2018 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK TPHCM)

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN

Chứng quyền:.....

Mã chứng quyền:

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. Giới thiệu về tổ chức phát hành

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Tên giao dịch:
3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm
4. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ):.....
5. Địa chỉ trụ sở chính:
6. Điện thoại: Fax:

II. Chứng quyền đăng ký Niêm yết

1. Tên chứng quyền:
2. Mã chứng quyền
3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở:
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:
5. Loại chứng quyền (mua/bán):
6. Kiểu chứng quyền (châu Âu):
7. Phương thức thanh toán thực hiện quyền:
8. Thời hạn: tháng
9. Tỷ lệ chuyển đổi:
10. Giá thực hiện: đồng
11. Giá phát hành: đồng/chứng quyền
12. Tài sản bảo đảm thanh toán:
13. Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán:
14. Ngày bắt đầu phát hành:
15. Ngày kết thúc phát hành:
16. Số lượng chứng quyền đăng ký niêm yết: chứng quyền
17. Thời gian dự kiến giao dịch chứng quyền:

III. Các bên liên quan:

1. Tổ chức tư vấn:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:

2. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:

IV. Cam kết của tổ chức phát hành:

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đăng ký niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

V. Hồ sơ kèm theo:

- 1) Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền do UBCKNN cấp;
- 2) Bản cáo bạch đã được UBCKNN chấp thuận;
- 3) Thông báo phát hành chứng quyền (Phụ lục số 03 Thông tư 107/2016/TT-BTC);
- 4) Phương án phòng ngừa rủi ro với nội dung theo mẫu do UBCKNN ban hành;
- 5) Danh sách kèm theo hồ sơ cá nhân của những người hành nghề kinh doanh chứng khoán tại bộ phận quản lý rủi ro;
- 6) Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký (theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 107/2016/TT-BTC);
- 7) Báo cáo kết quả phân phối chứng quyền (Phụ lục số 04 Thông tư 107/2016/TT-BTC);
- 8) Danh sách nhà đầu tư được phân phối chứng quyền (theo mẫu của VSD)
- 9) Xác nhận của ngân hàng nơi tổ chức phát hành mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phân phối (trường hợp có nhà đầu tư đăng ký mua);
- 10) Báo cáo thuyết minh về cơ sở vật chất cho hoạt động tạo lập thị trường;

....., ngày..... tháng..... năm

Hồ sơ gửi kèm:

(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu NY-CW/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 03 năm 2018 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK TPHCM)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN

Chứng quyền (Tên chứng quyền)

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Tên giao dịch:
3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm
4. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ):.....
5. Địa chỉ trụ sở chính:
6. Điện thoại: Fax:



II. LÝ DO THAY ĐỔI TĂNG/GIẢM SỐ LƯỢNG CHỨNG QUYỀN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

.....
(Ghi rõ lý do thuộc khoản, điều nào quy định trong Quy chế Niêm yết chứng quyền tại SGDCK TPHCM)

1. Trường hợp đăng ký thay đổi niêm yết giảm do hủy niêm yết một phần chứng quyền theo quy định tại khoản 2 điều 7 Quy chế Niêm yết chứng quyền trên SGDCK TPHCM thì bổ sung các thông tin sau:
 - Số lượng chứng quyền đang lưu hành:
 - Tỷ lệ: số lượng chứng quyền đang lưu hành/ chứng quyền đã phát hành:%
2. Trường hợp đăng ký thay đổi niêm yết giảm do hủy niêm yết một phần chứng quyền theo quy định tại khoản 4 điều 7 Quy chế Niêm yết chứng quyền trên SGDCK TPHCM thì bổ sung các thông tin sau:
 - Số lượng chứng quyền còn lại chưa lưu hành (sau khi hủy niêm yết một phần):chứng quyền
 - Tỷ lệ số chứng quyền còn lại chưa lưu hành(sau khi hủy niêm yết một phần)/ số chứng quyền đã phát hành:

III. CHỨNG QUYỀN THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: chứng quyền có bảo đảm
2. Tên chứng quyền:
3. Mã chứng quyền:
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:
5. Mã chứng khoán cơ sở:
6. Mệnh giá chứng quyền: đồng;
7. Thời hạn: tháng
8. Tỷ lệ chuyển đổi:
9. Số lượng chứng quyền đã phát hành:
10. Số lượng chứng quyền niêm yết trước khi thay đổi đăng ký niêm yết:
11. Số lượng chứng quyền thay đổi đăng ký niêm yết (tăng/giảm) :chứng quyền (.....bằng chữ) (ghi rõ là tăng hay giảm)
12. Số lượng chứng quyền niêm yết sau khi thay đổi đăng ký niêm yết: chứng quyền
13. Ngày dự kiến giao dịch chứng quyền thay đổi niêm yết:

Lưu ý: trường hợp thay đổi niêm yết theo quy định tại Khoản 2 điều 7 Quy chế Niêm yết chứng quyền trên SGDCK TPHCM và có nhiều chứng quyền trên cùng một tài sản cơ sở phải làm thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết thì tổ chức phát hành có thể liệt kê các chứng quyền này trong một Giấy đăng ký thay đổi niêm yết chứng quyền.

IV. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website:
2. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website:

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đăng ký thay đổi niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh

mọi nghĩa vụ của tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)





Mẫu NY-CW/SGDHCM-03

(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 03 năm 2018 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK TPHCM)

BÁO CÁO

Số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian đáo hạn dưới 2 tháng
Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. Thông tin về tổ chức phát hành và chứng quyền

1. Tên tổ chức phát hành:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Số điện thoại:
4. Số Fax:
5. Thông tin về chứng quyền phát hành:
 - Tên chứng quyền:
 - Mã chứng quyền:
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở:
 - Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:
 - Loại chứng quyền (mua/bán):
 - Kiểu thực hiện (châu Âu):
 - Phương thức thanh toán thực hiện quyền:
 - Thời hạn: tháng
 - Ngày đáo hạn:
 - Tỷ lệ chuyển đổi:
 - Giá thực hiện

II. Báo cáo thông tin chứng quyền

Stt	Thông tin	Số liệu
1	Số lượng chứng quyền đã phát hành	
2	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian đáo hạn dưới 2 tháng	
3	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	
4	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành	
5	Tỷ lệ Chứng quyền đang lưu hành/ Chứng quyền đã phát hành	%

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu NYCW/SGDHCM-04

(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 03 năm 2018 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK TPHCM)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN
Chứng quyền (Tên chứng quyền)

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Tên giao dịch:
3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm
4. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ):.....
5. Địa chỉ trụ sở chính:
6. Điện thoại: Fax:

II. LÝ DO HỦY NIÊM YẾT TOÀN BỘ CHỨNG QUYỀN:

.....(Ghi rõ lý do thuộc khoản, điều nào quy định trong Quy chế Niêm yết chứng quyền tại SGDCK TPHCM)

III. CHỨNG QUYỀN HỦY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: chứng quyền có bảo đảm
2. Tên chứng quyền: ...
3. Mã chứng quyền:
4. Tên (mã) chứng khoán cơ sở:
5. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:
6. Mệnh giá chứng quyền: đồng (đồng);
7. Thời hạn: tháng
8. Thời gian đáo hạn: (ngày/tháng/năm)

9. Tỷ lệ chuyển đổi:
10. Số lượng chứng quyền đã phát hành:
11. Số lượng chứng quyền niêm yết trước khi hủy niêm yết:
12. Số lượng Chứng quyền đăng ký hủy niêm yết:chứng quyền (.....bằng chữ)
13. Số lượng chứng quyền niêm yết sau khi hủy niêm yết: chứng quyền
14. Thời gian dự kiến hủy niêm yết:

Lưu ý: trường hợp hủy niêm yết chứng quyền theo quy định tại Khoản 2, 3, 5, 6 Điều 10 Quy chế Niêm yết chứng quyền trên SGDCX TP HCM và có nhiều chứng quyền thuộc cùng một tổ chức phát hành, hoặc nhiều chứng quyền trên cùng một tài sản cơ sở phải hủy niêm yết thì tổ chức phát hành có thể liệt kê các chứng quyền này trong một Giấy đề nghị hủy niêm yết chứng quyền.

IV. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán
 - Tên ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán bảo đảm:
 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: Fax:
 - Website:

VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đề nghị hủy niêm yết chứng quyền của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu NY-CW/SGDHCM-05
(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 03 năm 2018 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo
đảm tại SGDCK TPHCM)

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày tháng năm

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐIỀU CHỈNH CHỨNG QUYỀN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tổ chức phát hành:
 - Mã chứng quyền:
 - Mã chứng khoán cơ sở:
 - Loại chứng quyền: [] Mua [] Bán
 - Kiểu thực hiện: Châu Âu
 - Phương thức thanh toán thực hiện quyền: thanh toán tiền
 - Thời hạn: ngày
 - Ngày đáo hạn:
 - Ngày thực hiện điều chỉnh: (*) ghi rõ ngày
- (*) là ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở
- Lý do điều chỉnh:

Giá thực hiện cũ	(1)	
Tỷ lệ chuyển đổi cũ	(2)	
Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền	(3)	
Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền	(4)	
Giá thực hiện mới	$(5) = (1) \times [(4)/(3)]$	

Tỷ lệ chuyển đổi mới	$(6) = (2) \times [(4)/(3)]$	
----------------------	------------------------------	--

Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- *Tài liệu liên quan*

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu – nếu có)



Mẫu NY-CW/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 03 năm 2018 của TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại SGDCCK TPHCM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày tháng năm

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Công ty đại chúng

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:

- Quốc tịch:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax : Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng:

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng):

- Họ và tên người nội bộ:

- Quốc tịch:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:

- Địa chỉ thường trú:

- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có) :

3. Mã chứng quyền: Mã chứng khoán cơ sở:

4. Các tài khoản giao dịch chứng quyền nêu tại mục 3:tại công ty chứng khoán:

5. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền:*
6. Số lượng chứng quyền (nêu tại mục 3) hiện có:
7. Số lượng chứng quyền (nêu tại mục 3) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
8. Số lượng chứng quyền (nêu tại mục 3) dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
09. Phương thức giao dịch:
10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngàyđến ngày

* Số lượng tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG
BỐ THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)



Mẫu NY-CW/SGDHCM-07
(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 03 năm 2018 của TGD SGDC TP HCM về Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại SGDC TP HCM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Công ty đại chúng

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:
2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:
 - Quốc tịch:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp:
 - Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại:..... Fax: Email: Website:
 - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng:
 - Chức vụ tại công ty đại chúng tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có):..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng: (nêu rõ lý do) *:

**Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng)*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng):
 - Họ và tên người nội bộ:
 - Quốc tịch:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:
 - Địa chỉ thường trú:

- Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
- Chức vụ tại công ty đại chúng tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):
- 3. Mã chứng quyền: Mã chứng khoán cơ sở:
- 4. Các tài khoản giao dịch chứng quyền nêu tại mục 3:..... tại công ty chứng khoán:....
- 5. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: ...
- 6. Số lượng chứng quyền (nêu tại mục 3) trước khi thực hiện giao dịch:
- 7. Số lượng chứng quyền (nêu tại mục 3) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
- 8. Số lượng chứng quyền (nêu tại mục 3) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng **:
- 8. Số lượng chứng quyền (nêu tại mục 3) nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
- 9. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền ***:
- 10. Phương thức giao dịch:
- 11. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày

** Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.

*** Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG
TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)